

Số: 03/2025/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 ;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số 1539/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ

quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, NN và MT;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, NN và MT;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- KBNN khu vực XVIII;
- Bộ phận một cửa tại Trà Vinh - CCTKV XVIII;
- Chi cục Thống kê tỉnh Trà Vinh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT và TH, Báo Trà Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử Trà Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng
và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng
vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh**

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND

ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.
- Tài sản công theo quy định này bao gồm:
 - Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
 - Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
 - Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, trang thiết bị làm việc.
 - Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các tài sản vô hình khác.
- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- Các tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy các huyện, thị xã, thành phố là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
- Doanh nghiệp, tổ chức cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc đối tượng áp dụng tại quy định này gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện theo phân cấp của bộ, cơ quan trung ương;

b) Các cơ quan của Đảng ở Tỉnh ủy là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện theo phân cấp của Ban thường vụ Tỉnh ủy; trừ trường hợp Ban thường vụ Tỉnh ủy có quy định thực hiện theo phân cấp thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền về tài sản công.

1. Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là *Hội đồng nhân dân cấp huyện*).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là *Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là *Ủy ban nhân dân cấp xã*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*).

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thủ trưởng cơ quan, tổ chức tương đương; thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh (sau đây gọi là *đơn vị dự toán cấp tỉnh*).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp của các đơn vị dự toán cấp tỉnh (sau đây gọi là *đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh*).

6. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng cơ quan, tổ chức tương đương; thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là *đơn vị dự toán cấp huyện*).

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp dưới của các đơn vị dự toán cấp huyện (sau đây gọi là *đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện*).

Điều 4. Nội dung phân cấp thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công

1. Mua sắm tài sản công, vật tiêu hao.

2. Quản lý, khai thác tài sản công.

3. Thuê tài sản.

4. Xử lý tài sản công, gồm: Thu hồi tài sản; điều chuyển tài sản; bán tài sản; thanh lý tài sản; tiêu hủy tài sản; Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; Xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

5. Sử dụng tài sản công tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Chương II

NỘI DUNG CỤ THỂ

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp tại khoản 2 Điều này) như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm trụ sở làm việc (gồm nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các loại tài sản công như sau:

- Xe ô tô (trừ xe ô tô của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư); các phương tiện vận tải khác xe ô tô (gồm tàu, thuyền, canô,...).

- Mua sắm tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên.

c) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản cho đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị dưới 2.000 triệu đồng (trừ quy định tại điểm h khoản này).

d) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm xe ô tô của đơn vị mình.

đ) Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị dưới 2.000 triệu đồng (trừ quy định tại điểm h, điểm i khoản này).

h) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh; thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp huyện, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng để phục vụ hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) (trừ quy định tại điểm i khoản này).

Riêng thủ trưởng các Bệnh viện tuyến tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực, các Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định đối với danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị

dưới 1.000 triệu đồng.

i) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện quyết định mua sắm để phục vụ hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình đối với Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có giá trị dưới 200 triệu đồng.

2. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền được phân cấp quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao và quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

b) Mua sắm tài sản từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

c) Mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

d) Mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Vật tiêu hao là nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc (gồm nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ quy định tại khoản 4 Điều này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã (trừ quy định tại khoản 4 Điều này).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản (không phải trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) để phục vụ hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình.

4. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này như sau:

a) Thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao và quỹ dự trữ của ngân sách Đảng để phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

b) Thuê tài sản từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng để phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

c) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

d) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ tại các cơ quan nhà nước

1. Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền).

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ tại cơ quan mình và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập gồm các tài sản quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 41b Nghị định 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thuê tại khoản 3 Điều này, thẩm quyền thuê tài sản khác như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này như sau:

Khai thác tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan

1. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống thuộc phạm vi quản lý của huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngành tỉnh, gồm:

a) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

b) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với tài sản là toàn bộ cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán lớn hơn 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với tài sản là một phần cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

3. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tài sản là một phần cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Đề án của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

b) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với tài sản là toàn bộ cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán lớn hơn 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là một phần cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là một phần cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi các loại tài sản công như sau (trừ quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Trụ sở làm việc (gồm nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), xe ô tô.

b) Danh mục tài sản đề nghị thu hồi có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 và các trường hợp tại khoản 3 Điều này, thẩm quyền thu hồi tài sản khác như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với Danh mục tài sản đề nghị thu hồi có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1.000 triệu đồng của các đơn vị dự toán cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với Danh mục tài sản đề nghị thu hồi có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1.000 triệu đồng của các đơn vị dự toán cấp huyện và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Thu hồi tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

b) Thu hồi tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với các loại tài sản công như sau (trừ quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Trục sở làm việc (gồm nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng đất), xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

b) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định điều chuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 và các quy định tại khoản 3 Điều này, thẩm quyền điều chuyển các loại tài sản khác như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị dự toán cấp tỉnh; giữa đơn vị dự toán cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị dự toán trực thuộc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị dự toán cấp huyện; giữa đơn vị dự toán cấp huyện và đơn vị trực thuộc; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy; điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy sang Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

b) Điều chuyển tài sản từ các cơ quan đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện sang các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền bán tài sản công là tài sản cố định

1. Phân cấp thẩm quyền bán tài sản công là tài sản cố định theo phân cấp thẩm quyền mua tài sản công quy định tại Điều 5 Quy định này. Riêng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán.

2. Không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này đối với:

Tài sản hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Đối với tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 10.000 triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản do mình quản lý và tài sản của các đơn vị dự toán cấp dưới (nếu có) đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10.000 triệu đồng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị dự toán cấp huyện, các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện và tài sản của cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 10.000 triệu đồng trở lên.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của đơn vị dự toán cấp huyện, các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện và tài sản của cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10.000 triệu đồng.

2. Đối với tài sản công khác:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản sau:

- Xe ô tô.

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản của đơn vị mình và của các đơn vị trực thuộc (nếu có) đối với Danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1.000 triệu đồng (trừ quy định tại điểm đ khoản này).

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị dự toán cấp huyện, các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện và tài sản của cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản của đơn vị dự toán cấp huyện, các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện và tài sản của cấp xã thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1.000 triệu đồng (trừ quy định tại điểm e khoản này).

đ) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh, thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp huyện, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản do đơn vị mình quản lý, sử dụng và tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) đối với danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 300 triệu đồng.

e) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp huyện quyết định thanh lý đối với Danh mục tài sản đề nghị thanh lý có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

b) Tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

c) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (trừ tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã.

Điều 18. Xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với các loại tài sản công như sau (trừ quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô.

c) Tài sản công khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tài sản của cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

b) Tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

Điều 19. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: thực hiện theo thẩm quyền quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18 Quy định này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo phân cấp tại Quy định này./.

quyên